

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế huyện Châu Thành A
- Tên gói thầu: Mua hóa chất-vật tư y tế, sinh phẩm xét nghiệm, thiết bị y tế tại Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành A, giai đoạn năm 2025-2026 (Gồm 189 phần riêng biệt).
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Ấp 1A, xã Tân Hòa, thành phố Cần Thơ;
- Nguồn vốn: Từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị giai đoạn năm 2025-2026.
- Phạm vi công việc của gói thầu: Mua hóa chất-vật tư y tế, sinh phẩm xét nghiệm, thiết bị y tế tại Trung tâm Y tế khu vực Châu Thành A, giai đoạn năm 2025-2026 (Gồm 189 phần riêng biệt).
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.
- Tuỳ chọn mua thêm: 30% trên từng phần

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
1	Bơm tiêm 20cc (kim cỡ: 23G)	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim. (hoặc tương đương) 	Cái	1.000
2	Bơm tiêm tự động	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn phù hợp với tất cả loại máy tự động, an toàn khi sử dụng. 	Cái	300

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em (hoặc tương đương)		
3	Bơm tiêm cho ăn 50cc	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng (hoặc tương đương).	Cái	200
4	Dây nối bơm tiêm điện (Đường kính dây 0,9 x 1,9 mm, chiều dài dây 140 cm, đầu nối luer lock dạng cố định)	Dây nối bơm tiêm điện <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính dây 0,9 x 1,9 mm, chiều dài dây 140 cm, đầu nối luer lock dạng cố định - Ống dây : Nhựa nguyên sinh cấp độ y tế Polyvinyl Chloride (PVC) không chứa DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn với hàm lượng 220 000 mg/kg (được kiểm nghiệm tại TUV Rheinland). Chịu được áp suất 12 bar (hoặc tương đương)	Cái	300
5	Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng)	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 14 ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$ (đảm bảo để đuổi bọt khí) Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1700 mm. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. (hoặc tương đương)	Sợi	15.000
6	Gạc meche (1,5 x 100cm)	<ul style="list-style-type: none"> - Tủ vải không dệt thấm nước, có độ thấm hút rất cao, màu trắng, không mùi. - Thành phần nguyên liệu là 30 % Polyester và 70 % Viscose. - Kích thước: 1,5cm x 100cm x 4 lớp, 40\pm2gsm, đã tiệt trùng bằng khí EO-Gas. (hoặc tương đương)	Miếng	30.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
7	Bơm tiêm 10cc (Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng)	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2$ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	80.000
8	Bơm tiêm 1cc (Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim ,thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng)	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim ,thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	50.000
9	Bơm tiêm 3cc (kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng)	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	50.000
10	Bơm tiêm 5cc (Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng)	<ul style="list-style-type: none"> - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". 	Cái	120.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim, thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. (hoặc tương đương)		
11	Đầu kim rút thuốc (các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1")	Kim được làm từ thép không rỉ; không có chất độc hại và chất gây sốt. 'Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1" (hoặc tương đương)	Cái	95.000
12	Dây oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em: - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gập. - Các cỡ: trẻ em và người lớn	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: Trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 Sợi/ túi và được tiệt trùng. (hoặc tương đương)	Sợi	6.000
13	Dây oxy 2 nhánh (Dùng cho trẻ sơ sinh; Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gập.	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gập. - Đóng gói 1 Sợi/ túi và được tiệt trùng. (hoặc tương đương)	Sợi	1.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
14	Kim lồn G20 (1.1x32mm - 61ml/min)	<ul style="list-style-type: none"> • Kim lồn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích, 2 đường cản quang • Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim lên đến 96 giờ • Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và an toàn • Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon • Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene • Không dị ứng, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân • Chuôi kim ôm sát thân kim dễ dàng thao tác • Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch • Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát • Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng. • Trim Length, khoảng cách từ đầu kim lồn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm • Sử dụng 1 lần. • Tiệt trùng. • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10006: 20G: 1.1x32mm - 61ml/min (hoặc tương đương) 	Cái	6.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
15	Kim luân G22 (0.9x25mm - 36ml/min)	<ul style="list-style-type: none"> • Kim luân tĩnh mạch có cánh, có cửa chích, 2 đường cản quang • Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim lên đến 96 giờ • Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và an toàn • Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon • Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene • Không dị ứng, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân • Chuôi kim ôm sát thân kim dễ dàng thao tác • Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch • Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát • Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng. • Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luân đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm • Sử dụng 1 lần, • Tiệt trùng. • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10007: 22G: 0.9x25mm - 36ml/min (hoặc tương đương) 	Cây	6.000
16	Khóa 3 ngã (gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock; Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm)	<ul style="list-style-type: none"> - Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh (hoặc tương đương) 	Sợi	100
17	Kim luân G18 (1.3 x 45mm - 90ml/min)	<ul style="list-style-type: none"> • Kim luân tĩnh mạch, có cánh, có cửa, 2 đường cản quang • Catheter kháng xoắn ống, chắn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. • Kim bén với ba mặt vát giúp chích nhẹ không đau • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim đến 96h. 	Cây	3.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<ul style="list-style-type: none"> • Catheter ôm sát thân kim tránh tè và đùn khi đi xuyên qua da • Cửa chích thuốc nằm trung tâm kim giúp kim không bị dịch chuyển khi bơm thuốc, có van một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch, máu.. • Dễ sử dụng. • Nguyên liệu FEP, • Tiệt trùng bằng khí EO • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10004: 18G: 1.3x45mm - 90ml/min (hoặc tương đương) 		
18	Nẹp cổ mềm	Vật liệu: Mút xốp mềm, nhẹ và thoáng khí Vải cotton, khoá Velcro... (hoặc tương đương)	Cái	10
19	Đai cột sống thắt lưng	Vật liệu: Vải mút dệt kim, dây đai, dây thun - Thanh định vị bằng nhôm loại lớn (2.5cm) có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cột sống - Hệ thống dán xé (khóa Velcro). . (hoặc tương đương)	Cái	20
20	Đai Desautl (Trái, phải)	Vật liệu: Vải không dệt, êm, mềm, có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro. (hoặc tương đương)	Cái	30
21	Đai xương đòn	Vật liệu: Vải cotton Khóa Velcro. (hoặc tương đương)	Cái	30
22	Anti A (Hóa chất xác định nhóm máu B)	Hóa chất xác định nhóm máu A (hoặc tương đương)	Lọ	40
23	Anti B (Hóa chất xác định nhóm máu B)	Hóa chất xác định nhóm máu B. (hoặc tương đương)	Lọ	12
24	Anti D (hóa chất phát hiện typ Rho (D))	Hóa chất phát hiện Typ Rho (D). (hoặc tương đương)	Lọ	10
25	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt bằng đường không khí (bằng máy phun)	0.01% w/v Silver nitrate IP 10 % w/v Hydrogen peroxide IP RADIX SIL10 không mùi vị, không có tác dụng độc hại, không ảnh hưởng đến giá trị pH và không gây ăn mòn. Phân hủy sinh học (hoặc tương đương)	lít	100
26	Băng keo cố định kim luân (6cm x7cm)	Vải, Băng 6cm x 7cm, 4 góc bo tròn tránh bung mép. Gạc 1.5cm x 2.5cm thấm hút dịch, cố định, che chắn chỗ kim luân. Tiệt trùng từng miếng. (hoặc tương đương)	Miếng	1.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
27	Băng keo cá nhân	- Ít gây kích ứng, keo có độ dính cao, dính chắc trong tất cả các trường hợp. - Kích thước: 20mm x 60mm. (hoặc tương đương)	Miếng	47.000
28	Bộ điều kinh karman 1 van	Chất liệu nhựa y tế gồm có:+ 01 Ống bơm 1 van với thể tích ống bơm ≥ 60 ml.+ 01 Pít tông kín. Đầu Pít tông có gioăng cao su mềm hình chữ O, tạo độ kín giữa Pít tông và ống bơm.+ 02 Ống hút có các kích cỡ: 4mm và 5mm.+ 01 Dầu bôi trơn dụng cụ Đóng gói tiệt trùng từng bộ (hoặc tương đương)	Bộ	30
29	Bo huyết áp + Val huyết áp + bao vải	*Bo huyết áp: - Màu đen, dùng thay thế trong bộ huyết áp kế. *Van huyết áp cơ: - Hợp kim không gỉ, dùng thay thế trong bộ huyết áp kế. *Bao vải: size 51x15cm (hoặc tương đương)	Cái	100
30	Chromic Catgut 4(0)75cm, kim tròn 1/2c dài 26mm	- Chỉ tự tiêu tự nhiên tan chậm đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, màu nâu. Chỉ giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày.Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gợn cục, không có xơ tua hay mối nối - Kích cỡ: số 1/0 dài 75cm. - Kim tròn 1/2c dài 26mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 2.77 Kgf - Tiệt trùng EO/CO2. (hoặc tương đương)	Tép	180
31	Chromic Catgut 3.5(2/0)75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm	- Chỉ tự tiêu tự nhiên tan chậm đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, màu nâu. Chỉ giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày.Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gợn cục, không có xơ tua hay mối nối - Kích cỡ: số 2/0 dài 75cm. - Kim tròn 1/2c dài 26mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1.99 Kgf - Tiệt trùng EO/CO2 - Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy	Tép	240

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		hàn kín. (hoặc tương đương)		
32	Chromic Catgut 3(3/0)75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm	"- Chỉ tự tiêu tự nhiên tan chậm đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, màu nâu. Chỉ giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày.Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gợn cục, không có xơ tua hay mối nối - Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tròn 1/2c, dài 26mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1.25 Kgf - Tiệt trùng EO/CO2. (hoặc tương đương)"	Tép	430
33	Chromic Catgut 2(4/0)75cm, kim tròn 1/2c dài 26mm	- Chỉ tự tiêu tự nhiên tan chậm đơn sợi, chất liệu collagen tinh khiết, màu nâu. Chỉ giữ vết khâu tốt trong vòng 14-21 ngày, tan hoàn toàn sau 90 ngày.Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gợn cục, không có xơ tua hay mối nối - Kích cỡ: số 4/0, dài 75cm. - Kim tròn 1/2c, dài 26mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.76 Kgf - Tiệt trùng EO/CO2. (hoặc tương đương)	Tép	760
34	Kim lùn G24 - Size: 0.7x19mm - lưu lượng: 23ml/min	"• Kim lùn tĩnh mạch có cánh, có cửa chích, 2 đường cản quang • Catheter FEP kháng xoắn, chắn bức xạ đặc biệt, dễ truyền với lưu lượng tối ưu, sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim lên đến 96 giờ • Cánh linh hoạt giúp cố định dễ dàng và	Cây	5.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<p>an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kim: 3 mặt vát, làm từ thép không gỉ, sắc bén, phủ 1 lớp silicon • Nắp bảo vệ kim: ống hình trụ, làm từ nhựa polypropylene • Không dị ứng, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân • Chuôi kim ôm sát thân kim dễ dàng thao tác • Cửa chích thuốc với van silicon một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch • Chuôi kim trong suốt dễ dàng cho việc quan sát • Mặt cắt backcut giúp tiếp cận tĩnh mạch trơn tru, nhẹ nhàng. • Trim Length, khoảng cách từ đầu kim luôn đến đầu mặt vát: 0mm ~ 1mm • Sử dụng 1 lần, • Tiệt trùng khí EO. • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 10008: 24G: 0.7x19mm - 23ml/min (hoặc tương đương)" 		
35	Nylon đơn sợi: (đường kính: 2/0; dài 75cm, đầu kim tam giác ngược dài 24mm, bán kính cong kim 3/8c)	<p>Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi, chất liệu Polyamide 6 - 6.6 (Nylon). Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gọn cục, không có xơ tua hay mối nối .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 20mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon - Lực căng kéo nút thắt tối thiểu 0.95Kgf - Tiệt trùng EO/CO2. (hoặc tương đương) 	Tép	1.500
36	Nylon: - Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 20mm	<p>Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi, chất liệu Polyamide 6 - 6.6 (Nylon). Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gọn cục, không có xơ tua hay mối nối .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 20mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon - Lực căng kéo nút thắt tối thiểu 0.95Kgf - Tiệt trùng EO/CO2. (hoặc tương đương) 	Tép	1.000
37	Nylon - Kích cỡ: số 4/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 18mm	<p>Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi, chất liệu Polyamide 6 - 6.6 (Nylon). Cấu trúc vững chắc, sợi tròn, không gọn cục, không có xơ tua hay mối nối</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: số 4/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 18mm 	Tép	1.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<ul style="list-style-type: none"> - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon - Lực căng kéo nút thắt tối thiểu 0.59Kgf - Tiệt trùng EO/CO2 . (hoặc tương đương) 		
38	Black Silk - Kích cỡ: số 2/0 dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c dài 26mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền, sợi chỉ tròn, không có gợn cục, không có xơ tua hay mối nối - Kích cỡ: số 2/0 dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c dài 26mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon. - Tiệt trùng EO/CO2. - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 1.43 Kgf (hoặc tương đương) 	Tép	1.000
39	Bộ hút đàm kính có van kiểm soát các số: 6, 8, 10, 12, 14, 16.	Bộ hút đàm kính có ống thông khí quản 4 chiều, ống nối 4 chiều, cổng làm sạch, ống nối, bộ hút đàm, ống nối thông khí quản. (hoặc tương đương)	Bộ	300
40	Black Silk '- Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tròn 1/2c, dài 26mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền, sợi chỉ tròn, không có gợn cục, không có xơ tua hay mối nối - Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tròn 1/2c, dài 26mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon. - Tiệt trùng EO/CO2 - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.95Kgf (hoặc tương đương) 	Tép	300
41	Black Silk: - Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c dài 26mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền, sợi chỉ tròn, không có gợn cục, không có xơ tua hay mối nối - Kích cỡ: số 3/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c dài 26mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon. - Tiệt trùng EO/CO2 - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.95 Kgf (hoặc tương đương) 	Tép	1.650
42	Black Silk: - Kích cỡ: số 4/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c dài 18mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền, sợi chỉ tròn, không có gợn cục, không có xơ tua hay mối nối. - Kích cỡ: số 4/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c dài 18mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon. 	Tép	500

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<ul style="list-style-type: none"> - Tiết trùng EO/CO2 - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.59 Kgf (hoặc tương đương) 		
43	<p>Black Silk</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: số 5/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 16mm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi bền, sợi chỉ tròn, không có gợn cục, không có xơ tua hay mối nối. - Kích cỡ: số 5/0, dài 75cm. - Kim tam giác 3/8c, dài 16mm - Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon. - Tiết trùng EO/CO2 - Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 0.339 Kgf (hoặc tương đương) 	Tép	300
44	<p>Chỉ polyglactin: số 0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm</p>	<p>Chỉ khâu tự tiêu tổng hợp đa sợi tan trung bình Polyglactin 910, Calcium stearate, số 0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm, duy trì sức căng 70 - 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày và tan hoàn toàn sau 56-70 ngày</p> <p>Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon.</p> <p>Lực căng kéo nút thắt tối thiểu 3.97Kgf</p> <p>Tiết trùng EO/CO2 (hoặc tương đương)</p>	Tép	180
45	<p>Chỉ polyglactin: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm</p>	<p>Chỉ khâu tự tiêu tổng hợp đa sợi tan trung bình Polyglactin 910, Calcium stearate, số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm, duy trì sức căng 70 - 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày và tan hoàn toàn sau 56-70 ngày</p> <p>Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon.</p> <p>Lực căng kéo nút thắt tối thiểu 0.96Kgf</p> <p>Tiết trùng EO/CO2. (hoặc tương đương)</p>	Tép	180
46	<p>Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn (Chlorhexidine Digluconate 4% (w/v)) (đơn vị tính: lít)</p>	<p>Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%</p> <p>Chai 1 lít (hoặc tương đương)</p>	Lít	100

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
47	Dung dịch Khử khuẩn Mức độ Cao (Ortho Phthalaldehyde 0.55%)	<p>Dung dịch khử khuẩn mức độ cao. Thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy), có que thử. - Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon) - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trùng khuẩn lao. - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. <p>(hoặc tương đương)</p>	Lít	700
48	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	<p>Enzyme Protease 5% (w/w); Enzyme Lipase 0.5% (w/w); Enzyme Amylase 0.3%(w/w); Enzyme Cellulase 0.05%; Enzyme Mannanase 0.05%; Alcohol Ethoxylate 8% (w/w), chất chống ăn mòn kim loại và các chất phụ gia vừa đủ 100%. Chai 1 lít</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Lít/Chai 1 lít	300
49	Test nhanh vi khuẩn Helicobacter Pylori (Test Hp dạ dày)	<p>Hộp 20 giếng rời được dùng để phát hiện nhanh H. pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Test	900
50	Cồn y tế 70% (đơn vị tính: lít)	<ul style="list-style-type: none"> - Cồn y tế (70%) vol - Nước cất <p>(hoặc tương đương)</p>	Lít	6.410
51	Cồn y tế 90% (đơn vị tính: lít)	<ul style="list-style-type: none"> - Cồn y tế (90%) vol - Nước cất <p>(hoặc tương đương)</p>	Lít	180
52	Nẹp căng tay dài (Trái, phải)	<p>Vật liệu: Vải dệt kim, dây đai</p> <p>Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	60
53	Đầu col vàng có khóa 200ul	<ul style="list-style-type: none"> • Chất liệu: Nhựa PP có độ trong suốt cao. • Phù hợp với các cây pipet trên thị trường. • Được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, 	Cái	30.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		đảm bảo lực hút của cây micropipette, thành trong đầu col không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm. • Chung loại: Đầu col có khóa và không khóa. * Dung tích: 0 - 200 μ l (hoặc tương đương)		
54	Điện cực tim (Kích thước 4.3cm x 4.5 cm, Hình Oval)	-Kích thước 4.3cm x 4.5 cm, Hình Oval. Làm từ vật liệu PE Foam. - Sử dụng phần tử cảm biến Ag/AgCl và Hydro-gel nhằm tạo độ bám dính. - Điện cực có thể ứng dụng cho hầu hết các lĩnh vực về ECG. - Các điện cực dùng một lần chất lượng cao với nút điện cực bằng thép không gỉ. (hoặc tương đương)	Cái	130
55	Gạc phẫu thuật (tiệt trùng)	- Gạc: Gạc hút 100% cotton, pH trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước: không quá 0,5%. - Tốc độ hút nước 10 giây. Kích thước miếng gạc: 10cm x 10cm x 12 lớp. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485." (hoặc tương đương)	miếng	1.000
56	Gạc phẫu thuật (6cm x 8cm x 4 lớp vô trùng)	Gạc phẫu thuật vô trùng Size: 5cm x 6cm x 8 lớp (hoặc tương đương)	miếng	78.000
57	Gạc hút nước (Khổ 0,8m)	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. (hoặc tương đương)	Mét	30.000
58	Găng tay khám bệnh dùng trong y tế (Các size: XS, S, M, L, XL. Kích thước: Min 240mm)	Găng tay sạch, sử dụng trong thăm khám bệnh, lấy mẫu xét nghiệm; làm từ cao su thiên nhiên, (có bột/ không bột) chống dính; không gây kích ứng da Các size: XS, S, M, L, XL. Kích thước: Min 240mm. (hoặc tương đương)	Đôi	450.000
59	Găng tay sản khoa: - Chiều dày: min 0,15mm - Chiều dài: \geq 450 mm	Cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, phủ bột ngô chống dính, hấp được, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, công dụng: Dùng trong khám bệnh sản phụ khoa, các ca bệnh bị nhiễm HIV tránh lây	Đôi	5.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
	- Chiều rộng lòng bàn tay: + Size S: 89±5mm + Size M: 95±5mm	nhiễm. Kích thước: - Chiều dày: min 0,15mm - Chiều dài: ≥ 450 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size S: 89±5mm + Size M: 95±5mm (hoặc tương đương)		
60	Giấy điện tim (63mmx30m)	- Kích thước 63mm x 30m (hoặc tương đương)	Cuộn	100
61	Giấy điện tim(80mmx30m, 80mmx20m,)	Kích thước: 80mm x 20m (hoặc tương đương)	Cuộn	2.000
62	Giấy monitor sản khoa(152mm x 90mm x 150 tờ)	Kích thước: 152mm x 90mm x 150sh (hoặc tương đương)	Xấp	30
63	Giấy siêu âm trắng đen(Kích thước: 110mmx20m)	Kích thước: 110mm x 20m (hoặc tương đương)	Cuộn	30
64	Bông viên (kích thước: 30mm, đơn vị tính gram)	Từ bông xơ thiên nhiên 100% cotton, có độ thấm hút cao Kích thước 30mm, gói 100g (hoặc tương đương)	gram	600.000
65	Bông y tế hút nước: - Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây - Độ ẩm: ≤ 8%; pH: Trung tính; không có tinh bột và Dextrin - Đơn vị tính: kilogam	Từ bông xơ thiên nhiên 100% cotton, có độ thấm hút cao - Bông trắng, không mùi, xơ bông mảnh, mềm mại, trắng mịn không có xơ ngoại lai, không lẫn tạp chất, mảnh lá và vỏ hạt. Tầm bông dày mỏng đa dạng đáp ứng yêu cầu - Không mùi, không vị. Không độc tố và không gây dị ứng. - Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây - Độ ẩm: ≤ 8%; pH: Trung tính; không có tinh bột và Dextrin (hoặc tương đương)	Kg	1.500
66	Kẹp rốn	Từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh vô trùng, độ trơn láng cao. (hoặc tương đương)	Cây	500
67	Kim nha khoa: (Size: 27G (0.40 x 21mm, 0.40 x 30mm))	- Kim bằng thép không gỉ, đầu kim siêu nhỏ, sắc bén, có độ bền cao. - Đốc kim bằng chất liệu PP, có hiển thị mũi tên trên đốc kim. - Đóng gói niêm phong trong vỏ nhựa. Tiệt trùng. - Size: 27G (0.40 x 21mm, 0.40 x 30mm). (hoặc tương đương)	Cây	5.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
68	Khẩu trang y tế 3 lớp tiệt trùng	<p>- Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng, Lớp ngoài vải không dệt, lớp trong màu trắng làm bằng giấy kháng khuẩn và lớp vải không dệt. Dây thun đeo tai bằng to, mềm. Thanh nẹp mũi bằng nhựa, định hình được. Tiệt trùng, đóng gói và tiệt trùng từng cái</p> <p>- Kích thước: 17.5 cm x 9.5 cm. 1 lớp giữa là lớp vi lọc thấu khí.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	150.000
69	Bộ máy đo huyết áp kế người lớn bao gồm ống nghe	<p>Đồng hồ đo áp lực: Kim định vị ở mức độ số 0, chia vạch chuẩn từ 20 ~300mmHg</p> <p>Độ chính xác ± 3mmHg</p> <p>Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao</p> <p>Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao</p> <p>Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá.</p> <p>Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn</p> <p>Bao gồm ống nghe</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Bộ	80
70	Bộ máy đo huyết áp kế trẻ em bao gồm ống nghe	<p>Đồng hồ đo áp lực: Kim định vị ở mức độ số 0, chia vạch chuẩn từ 20 ~300mmHg</p> <p>Độ chính xác ± 3mmHg</p> <p>Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao</p> <p>Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao</p> <p>Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá.</p> <p>Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn</p> <p>Bao gồm ống nghe</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Bộ	40
71	Nẹp căng chân ngắn (Các cỡ)	<p>Vật liệu: Vải dệt kim, dây đai</p> <p>Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	50
72	Nẹp cánh tay(Các cỡ)	<p>Vật liệu: Vải dệt kim, dây đai</p> <p>Băng nhám dính, nẹp hợp kim nhôm.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	50
73	Nẹp chống xoay dài (Các cỡ)	<p>Vật liệu: Vải dệt kim, hệ thống dây đai.</p> <p>Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	30
74	Nẹp chống xoay ngắn (trái/phải)	<p>Vật liệu: Vải dệt kim, hệ thống dây đai.</p> <p>Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	30

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
75	Nẹp đùi zimmer (dài)	Vật liệu: Vải mút dệt kim, dây đai. Thanh định vị bằng nhôm có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân Hệ thống dán xé (hoặc tương đương)	Cái	30
76	Nẹp đùi ngắn các số	Vật liệu: Vải dệt kim, hệ thống dây đai. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. (hoặc tương đương)	Cái	30
77	Ống nghe	Thông số kỹ thuật: Cấu hình ống nghe: Mặt nghe gồm chuông và màng nghe được thiết kế hai mặt; Ống nghe hai tai làm bằng đồng thau; Dây chữ Y làm bằng nhựa PVC. (hoặc tương đương)	Cái	110
78	Ống nghiệm tách huyết thanh (Serum)	Ống nghiệm tách huyết thanh URI, hạt trụ • Thể tích chứa: 4 mL, có vạch định mức 1 mL, 2 mL, 3 mL, 4 mL và dấu chứng nhận CE trên nhãn. • Thân ống Polypropylene (PP), kích thước 12x75mm, thể tích chứa tối đa 6mL ± 0.5mL, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút. • Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu đỏ, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. • Số lượng hạt Polystyrene hình trụ: 0.3 - 0.45 g/ống. (hoặc tương đương)	Ống	5.000
79	Que gòn xét nghiệm - Tiết trùng từng que - Dài 16cm	Thân que bằng gỗ, một đầu gòn, tiết trùng từng cây, đóng gói riêng từng vỉ giấy, dài 16cm. (hoặc tương đương)	Que	2.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
80	Que thử đường huyết: (kèm máy đo đường huyết tương thích)	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng Men GOD, Công nghệ cảm biến sinh học, - Que test 8 điện cực bằng bạc, Công nghệ "No coding", - Mẫu máu: Máu toàn phần; Vị trí lấy máu: Đầu ngón tay; hoặc cánh tay hoặc lòng bàn tay. - Khoảng đo 10 - 600mg/dL (0.6 - 33.3 mmol/L) - Giới hạn hematocrite (dải HCT) 20-70%. đo chính xác được cho trẻ sơ sinh, phụ nữ mang thai và những người bị chứng thiếu máu - Mỗi que thử chứa các hóa chất phản ứng: Glucose oxidase <25 IU, Mediator <300 µg. - Lượng máu sử dụng rất ít chỉ 0,5 µL - Kết quả chuẩn sau 5 giây, - Cảnh báo hạ đường huyết (hypo warming), - Đánh dấu trước ăn và sau ăn - Độ chính xác $\geq 98.8\%$, kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn YSI plasma. *Cam kết cung cấp máy đo đường huyết theo số lượng yêu cầu từ bên mời thầu. (hoặc tương đương) 	Que	23.000
81	Test chẩn đoán nhanh phát hiện kháng nguyên viêm gan B (HbsAg)	<p>Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Cặp kháng thể kháng HBsAg.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 100% - Độ chính xác tương quan: 100%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% <p>Ngưỡng phát hiện (LOD) : 1 ng/mL.</p> <p>Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HAV, HCV, Dengue, HIV, RF, Syphilis, TB, H.pylori.</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi Sodium citrate nồng độ 3.8% và EDTA nồng độ 3.4 µmol/L</p> <p>Đọc kết quả tại 15 phút. (hoặc tương đương)</p>	Test	5.000
82	Test chẩn đoán nhanh 04 chất gây nghiện:Thuốc phiện, ma túy tổng hợp, ma	Thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC) (Panel thử phát hiện AMP/MET/MOP/THC)	Test	5.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
	tuý đá, bô ãa trong nước tiểu	1, MOP: Ngưỡng phát hiện (cut off) 300 ng/ml 2, MET: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000 ng/ml 3, AMP: Ngưỡng phát hiện (cut-off) 1000ng/ml 4, THC: Ngưỡng phát hiện (cut off) 50 ng/ml Độ nhạy tương quan 100%, Độ đặc hiệu tương quan 100%, Độ chính xác tương quan 100% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% (hoặc tương đương)		
83	Test chẩn đoán nhanh phát hiện kháng thể Giang Mai trong huyết tương hoặc huyết thanh	Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch kỹ thuật màng, định tính phát hiện các kháng thể (IgG và IgM) kháng Treponema Pallidum (TP) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy tương quan: >99,9% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,1% - Độ chính xác tương quan: 99,4% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Ống chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Đọc kết quả nhanh. (hoặc tương đương)	Test	100
84	Test chẩn đoán nhanh phát hiện kháng thể HIV 1&2 trong huyết tương hoặc huyết thanh	Định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1 và/ hoặc HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Hoạt chất chính: Kháng nguyên tái tổ hợp HIV, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1, kháng nguyên tái tổ hợp HIV-2. - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: 99.89%. - Độ chính xác: 99.99%. - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100% Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính: HBsAg, Anti-Syphilis, Anti-HCV, Anti-RF, Anti-Rubella IgG Không bị nhiễu bởi các chất: Creatine 200 mg/dL, Bilirubin 1g/dL, Caffeine 20 mg/dL (hoặc tương đương)	Test	500

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
85	Test chẩn đoán nhanh phát hiện ký sinh trùng sốt rét trong máu toàn phần/huyết tương/huyết thanh	<p>Định tính phát hiện sự có mặt của kháng nguyên Dengue NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Các kháng thể đơn dòng kháng Dengue NS1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 100%; - Độ đặc hiệu tương quan: 98,75%; - Độ chính xác tương quan: 99.0%. <p>Ngưỡng phát hiện (LoD): 0.25 ng/mL.</p> <p>Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, H. Pylori Ab, TB, HIV Ab, HAV Ab, HCV, RF, CMV, Malaria Ab, HSV-1, HSV-2.</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi Hemoglobin ở nồng độ 0,67-2 g/L và IgG người ở nồng độ 333-1.000 mg/dL</p> <p>Đọc kết quả nhanh (hoặc tương đương)</p>	Test	390
86	Test chẩn đoán nhanh kháng thể IgM và IgG kháng vi rút sốt xuất huyết trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương.	<p>Định tính phát hiện kháng thể IgG và/ hoặc IgM kháng vi rút Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Các kháng nguyên Dengue tái tổ hợp, kháng thể kháng IgM người và kháng thể kháng IgG người.</p> <p>Đối với kháng thể IgM kháng Dengue</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 96.9% - Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% - Độ chính xác tương quan: 98.7% <p>Đối với kháng thể IgG kháng Dengue</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy tương quan: 97.3% - Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Độ chính xác tương quan: 99.1% <p>Không phản ứng chéo với các mẫu dương tính HIV, HCV, HBV, HEV, Syphilis, RF.</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi các chất sau ở nồng độ tương ứng: Caffeine 1.000 mg/dL, Hemoglobin 1.000 mg/dL, Penicillin G 1.000 mg/dL, Ketone 2.000 mg/dL</p> <p>Đọc kết quả nhanh. (hoặc tương đương)</p>	Test	500

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
87	Test chẩn đoán nhanh phát hiện kháng nguyên ung thư tiền liệt tuyến trong huyết tương hoặc huyết thanh (PSA)	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên PSA trong huyết tương hoặc huyết thanh người, hỗ trợ trong việc chẩn đoán nguy cơ ung thư tuyến tiền liệt.</p> <p>Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh.</p> <p>Độ nhạy: >98%. Độ đặc hiệu: >98%</p> <p>-Thành phần : sử dụng kháng thể đơn dòng có đánh dấu nhuộm và kháng thể chuột đơn dòng ở pha rắn, khay thử; dung dịch pha loãng trong chai nhỏ giọt, chứa đệm muối, sodium azide; ống pippet dùng một lần.</p> <p>* Các chất không ảnh hưởng đến test: Kallikrein 1 µg/mL, Prostatic acid phosphatase 1U/L, Rheumatoid factor 36 U/mL</p> <p>* Loại cassette kích thước 6mm. Đóng gói riêng từng test.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Test	700
88	Test chẩn đoán nhanh phát hiện kháng thể HCV trong huyết tương hoặc huyết thanh	<p>Định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương của người.</p> <p>Hoạt chất chính: Các kháng nguyên HCV tái tổ hợp.</p> <p>- Độ nhạy tương quan: 99.05%;</p> <p>- Độ đặc hiệu tương quan: 99.46%;</p> <p>- Độ chính xác tương quan: 99.33%.</p> <p>- Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: 100%</p> <p>Không bị phản ứng chéo với các mẫu dương tính HBsAg, HAV, HIV, Dengue, Syphilis, TB, H. Pylori, RF.</p> <p>Không bị gây nhiễu bởi EDTA nồng độ 3.4 µmol/L và Sodium citrate nồng độ 3.8%</p> <p>Đọc kết quả nhanh.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Test	1.000
89	Anti AB	<p>Hóa chất xác định nhóm máu hệ ABO. kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A A-5E10; Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-B B-2D7 (1,0ml). Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: 100%.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	lọ	10
90	Ống nghiệm lấy máu Citrate (kích thước ống 12x75mm)	<p>Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống.</p>	Tube	20.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút. (hoặc tương đương)		
91	Ống nghiệm lấy máu EDTA (kích thước ống 12x75mm)	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. (hoặc tương đương)	Tube	50.000
92	Ống nghiệm lấy máu Heparine (kích thước ống 12x75mm)	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút. (hoặc tương đương)	Tube	80.000
93	Túi đựng nước tiểu: Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml.	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. (hoặc tương đương)	Túi	300
94	Túi ép dẹp tiệt trùng loại dẹp (100mmx200m)	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 100mm x 200m <ul style="list-style-type: none"> • Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao • Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 μm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 	Cuộn	20

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<ul style="list-style-type: none"> • Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 °C (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. • Nguyên liệu giấy và chỉ thị màu đạt tiêu chuẩn • Có hỗ trợ máy ép kèm theo (hoặc tương đương) 		
95	Túi ép dẹp tiệt trùng loại dẹp(150mmx200m)	<p>Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 150mm x 200m</p> <ul style="list-style-type: none"> • Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao • Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 μm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. • Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 °C (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. • Nguyên liệu giấy và chỉ thị màu đạt tiêu chuẩn • Có hỗ trợ máy ép kèm theo. (hoặc tương đương) 	Cuộn	20
96	Túi ép dẹp tiệt trùng loại dẹp(200mm x 200m)	<p>Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 200mm x 200m</p> <ul style="list-style-type: none"> • Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao • Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 μm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. • Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 °C (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. • Nguyên liệu giấy và chỉ thị màu đạt tiêu chuẩn • Có hỗ trợ máy ép kèm theo (hoặc tương đương) 	Cuộn	50
97	Túi ép dẹp tiệt trùng loại dẹp(Cuộn 50mm x 200m)	<p>Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 50mm x 200m</p> <ul style="list-style-type: none"> • Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao • Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày 	Cuộn	20

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<p>≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 μm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 °C (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. • Nguyên liệu giấy và chỉ thị màu đạt tiêu chuẩn • Có hỗ trợ máy ép kèm theo (hoặc tương đương) 		
98	Túi ép dẹp tiệt trùng loại dẹp(Cuộn 300mm x 200m)	<p>Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 300mm x 200m</p> <ul style="list-style-type: none"> • Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao • Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 μm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. • Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 °C (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. • Nguyên liệu giấy và chỉ thị màu đạt tiêu chuẩn • Có hỗ trợ máy ép kèm theo. (hoặc tương đương) 	Cuộn	20
99	Cồn y tế tuyệt đối (≥99,5% ethanol)	- Cồn y tế (99,5%) vol (hoặc tương đương)	ml	60.000
100	Giấy in nhiệt (57mm x 20m)	Kích thước: 57mm x 20m (hoặc tương đương)	Cuộn	30
101	Giấy monitor sản khoa (152mm x 150mm x 200sh)	Kích thước: 152mm x 150mm x 200sh (hoặc tương đương)	Xấp	30
102	Lọ nhựa đựng mẫu PS tiệt trùng (nước tiểu) * Kích thước 36 x 60mm.	<ul style="list-style-type: none"> * Lọ nhựa PS trong suốt, có nhãn màu trắng, nắp nhựa LDPE, dung tích tối đa 55ml. * Kích thước 36 x 60mm. * Sử dụng nhựa y tế độ pH trung tính, đạt độ vô khuẩn * Tiệt trùng bằng tia Gamma. (hoặc tương đương) 	Lọ	10.000
103	Ống nghiệm nhựa PS 5ml không nắp, không nhãn	<ul style="list-style-type: none"> * Kích thước 13x75mm. Nhựa PS trong suốt không nắp, dung tích tối đa 6ml * Sử dụng nhựa y tế độ pH trung tính, đạt 	Ống	3.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		độ vô khuẩn (hoặc tương đương)		
104	Viên sủi khử khuẩn (2,5g Troclosense Sodium)	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH 6.2 - 1 viên nặng 5g có hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên (hoặc tương đương)	Viên	3.000
105	Phim X quang kỹ thuật số 20x25cm (DT 5.000I B)	- Kích thước: 20x 25cm (8x10 inch); DT 5.000I B - Tương thích với hệ thống X quang số hóa CR12-X Agfa (hoặc tương đương)	Tấm	20.000
106	Lưỡi dao phẫu thuật(các số 10,11,12,15,20)	• Dao sắc. Chất liệu thép carbon không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22,23. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. (hoặc tương đương)	Cái	10.100
107	Bột bó 4in(10 x 2.7m)	• Nguyên liệu: bông với thạch cao pha lỏng, phủ đều phần gạc (Thời gian đông cứng phù hợp) • Màu sắc: trắng. • Thạch cao phủ đều phần cotton. • Trọng lượng: 390g/m ² , 400g/m ² , 410g/m ² ... • Size: 10cm x 2.7m (hoặc tương đương)	Cuộn	200
108	Bột bó 6in(15 x 2.7m)	• Nguyên liệu: bông với thạch cao pha lỏng, phủ đều phần gạc (Thời gian đông cứng phù hợp) • Màu sắc: trắng. • Thạch cao phủ đều phần cotton. • Trọng lượng: 390g/m ² , 400g/m ² , 410g/m ² ... • Size: 15cm x 2.7 (hoặc tương đương)	Cuộn	400
109	Lam kính (trơn)	Hình dáng: Hình chữ nhật, làm bằng thủy tinh, không rạn nứt, trơn láng • Độ dày: 1.0 - 1.2mm.	Miếng	25.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<ul style="list-style-type: none"> Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") (hoặc tương đương) 		
110	Que Spatula	<p>Từ gỗ thông đã trich nhựa dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung.</p> <ul style="list-style-type: none"> Bề mặt nhẵn bóng. Được tiệt trùng, đóng gói riêng lẻ từng cái. (hoặc tương đương)	Que	700
111	Kim khâu (Kích thước: Tam giác - tròn với các size: 5*14; 7*17; 8*20; 9*24; 10*34; 11*34; 13*34)	<p>Bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. Kim dạng cong hình bán nguyệt.</p> <p>Kích thước: Tam giác - tròn với các size: 5*14; 7*17; 8*20; 9*24; 10*34; 11*34; 13*34</p> (hoặc tương đương)	Cây	1.000
112	Đầu col xanh (Phù hợp với các pipet trên thị trường; dung tích từ: 100 - 1000 μ l.	<ul style="list-style-type: none"> Chất liệu: Nhựa PP có độ trong suốt cao. Phù hợp với các cây pipet trên thị trường. Được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipette, thành trong đầu col không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm. Chủng loại: Đầu col có khóa và không khóa. <p>Dung tích: 100 - 1000μl</p> (hoặc tương đương)	Cái	20.000
113	Gel điện tim	<p>Gel dạng sệt, trong suốt, từ không màu đến vàng nhạt, không chứa dầu, không chứa muối và Formandehyde . Không gây kích ứng da, không ăn mòn điện cực, đầu dò.</p> (hoặc tương đương)	lít	550
114	Ampu bóp bóng giúp thở (người lớn)	<ul style="list-style-type: none"> Bóp bóng ambu là thiết bị rất đơn giản, gọn nhẹ. Van giảm áp H₂O 60/40cm tích hợp. Trở kháng thở ra/hít vào < 5cmH₂O. Đảm bảo tất cả các tiêu chuẩn về y tế. Được sản xuất từ nhựa PVC an toàn. Không chứa Latex. 1 bộ ambu bao gồm: 1 bóp bóng bằng PVC 1500ml\pm200ml cho người lớn, 550ml\pm200ml cho trẻ em và 280ml\pm100ml cho sơ sinh. 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi dự trữ khí Oxy 2000ml cho người lớn, 1600ml cho trẻ em và sơ sinh, 1 Dây dẫn oxy 2m từ bóng ambu tới hệ thống oxy. Các size khác nhau dùng cho các đối tượng khác nhau ((Người Lớn(Y-3#), Trẻ 	Cái	5

Stt	Dan mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		Em(Y-2#), Sơ Sinh(Y-1#)). - Ambu bóp bóng bằng tay dùng để hỗ trợ thông khí khi cấp cứu cho bệnh nhân mà không có sự hỗ trợ của các loại máy thở. (hoặc tương đương)		
115	Ampu bóp bóng giúp thở (trẻ em và sơ sinh)	<ul style="list-style-type: none"> - Bóp bóng ambu là thiết bị rất đơn giản, gọn nhẹ. - Van giảm áp H₂O 60/40cm tích hợp. - Trở kháng thở ra/hít vào < 5cmH₂O. - Chỉ sử dụng một lần cho mỗi bệnh nhân. - Đảm bảo tất cả các tiêu chuẩn về y tế. - Được sản xuất từ nhựa PVC an toàn. Không chứa Latex. - 1 bộ ambu bao gồm: 1 bóp bóng bằng PVC 1500ml±200ml cho người lớn, 550ml±200ml cho trẻ em và 280ml±100ml cho sơ sinh. 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi dự trữ khí Oxy 2000ml cho người lớn, 1600ml cho trẻ em và sơ sinh, 1 Dây dẫn oxy 2m từ bóng ambu tới hệ thống oxy. - Các size khác nhau dùng cho các đối tượng khác nhau ((Người Lớn(Y-3#), Trẻ Em(Y-2#), Sơ Sinh(Y-1#))). - Ambu bóp bóng bằng tay dùng để hỗ trợ thông khí khi cấp cứu cho bệnh nhân mà không có sự hỗ trợ của các loại máy thở. (hoặc tương đương) 	Cái	5
116	Lamelle(22mm x 22mm)(hộp/100 miếng)	<ul style="list-style-type: none"> • Tất cả các lamen được làm bằng thủy tinh đặc biệt của hydrolytical mà không có bất kỳ sai sót nào, mặt cắt chính xác, mỗi lam kính được lựa chọn cẩn thận và an toàn. • Trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang • Kích thước: 22mm x 22mm. • Chiều dày: 0.16mm - 0.19mm (hoặc tương đương) 	Miếng	2.700

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
117	Dây hút đàm nhớt(số 6, 8, 10, 12, 14, 16)	<p>Các số 5-6-8-10-12-14-16-18.</p> <p>Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van chắc chắn và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài ≥ 50cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Sợi	300
118	Kim Lancet lấy máu (Hộp/100 cây)	<p>Vì giấy, tiệt trùng từng cây</p> <p>Thép không gỉ</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cây/cái	700
119	Ống thông tiêu 2 nhánh (Các số)	<p>- 2 nhánh. Số 8Fr có chiều dài 28cm (có bóng thể tích 3ml), Số 10Fr có chiều dài 28cm (có bóng thể tích 3-5ml). Dây số 24Fr, 26Fr có chiều dài 40cm (có bóng thể tích 30ml). Dây số 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr dây có chiều dài 40cm (có bóng thể tích 30ml)</p> <p>- Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy.</p> <p>- Tiệt trùng bằng khí E.O, đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr 24Fr, 26Fr;</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Sợi	300
120	Khai mở khí quản(Các số)	<p>- Khai mở khí quản với thiết kế có bóng, trong suốt, có thể tháo rời để làm sạch, tránh nghẹt tắc đờm.</p> <p>- Chất liệu mềm không gây kích ứng và dễ thích nghi với nhiệt độ cơ thể giúp bệnh nhân cảm thấy thoải mái.</p> <p>Size: 3; 3,5; 4; 4,5; 5; 5,5; 6; 6,5; 7; 7,5; 8.</p> <p>Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cái	50

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
121	Ống đặt nội khí quản các số(Các số)	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng/ Không bóng và có cản quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. - Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm . - Tiệt trùng bằng khí EO. Không chứa chất DHEP, đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. (hoặc tương đương) 	Cái	30
122	Mặt nạ xông khí dung (Người lớn, trẻ em)	<ul style="list-style-type: none"> - Từ nhựa PVC nguyên sinh, trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. (hoặc tương đương) 	Cái	1.500
123	Kim châm cứu các số (các số)	<p>Kim các số. Đường kính 0.12mm - 0.80mm, Độ dài 5mm - 75mm</p> <p>Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, đốc kim được cuốn bằng thép, các vòng quấn tròn đều, không có gò rập, đầu kim được tiệt trùng oxit Ethylene</p> <p>Quy cách: túi 10 cây (hoặc tương đương)</p>	Cây	2.500.000
124	Mặt nạ Oxy kèm dây dẫn các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1 m, lòng ống có khóa chống gập - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. (hoặc tương đương) 	Cái	500
125	Dây Garo	Chất liệu thun cotton (hoặc tương đương)	Sợi	7.000
126	Bơm kim tiêm tiêu đường	- Bơm dung tích 1ml kèm các cỡ kim 30Gx1/2" và 30Gx5/16"	Ống	8.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
	<ul style="list-style-type: none"> - Bơm dung tích 1ml kèm các cỡ kim 30Gx1/2" và 30Gx5/16" - Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 10UI) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). - Gioăng có núm giúp đi hết hành trình của thuốc. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide. (hoặc tương đương) 		
127	Ống thông dạ dày(Các cỡ)	<p>Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Sợi	300
128	Bông y tế không thấm nước (kg)	<ul style="list-style-type: none"> - Bông không hút nước được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, không loại mỡ, xốp (chưa tiệt trùng). - nguyên liệu 100% sợi Bông xơ tự nhiên. - Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút, không mùi, bông chưa tẩy trắng, có màu hơi nhả vàng bóng. - Bề mặt được xử lý bằng tia nước áp lực cao giúp bề mặt mịn, không xơ thừa. Có dạng dải được quấn thành hình khối trụ. - Đóng gói thành cuộn, 1kg/ gói <p>(hoặc tương đương)</p>	Kg	30
129	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng (Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm; Sản phẩm được tiệt trùng)	<p>Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh; Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng; Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm; Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.</p> <p>(hoặc tương đương)</p>	Cây	30.000
130	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng (Các số)	<p>Găng tay cao su tự nhiên, tiệt trùng, có bột dùng trong thủ thuật, phẫu thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu và đặc tính : Mủ cao su tự nhiên. Nhám lòng bàn tay và ngón tay. Có phân biệt tay trái/phải. không gây kích ứng da. - Kích cỡ: 6.5/7.0/7.5/8 - Chiều dài: tối thiểu 280mm - Độ dày (mm): ≥0.15 (lòng bàn tay), ≥ 0.18 (đầu ngón tay) 	Đôi	60.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		<ul style="list-style-type: none"> - Lực kéo đứt trước lão hóa: Tối thiểu 12,5N - Lực kéo đứt sau lão hóa: Tối thiểu 9,5N - Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa: Tối thiểu 700% - Độ giãn dài khi đứt sau lão hóa: Tối thiểu 550% - Hàm lượng bột: Tối đa 10 mg/dm² - Hàm lượng Protein hòa tan : Tối đa 100 µg/dm² (hoặc tương đương)		
131	Găng kiểm tra dùng trong y tế size XS,S,M,L	Găng tay sạch, sử dụng trong thăm khám bệnh, lấy mẫu xét nghiệm; làm từ cao su thiên nhiên, (có bột/ không bột) chống dính; không gây kích ứng da Các size: XS, S, M, L, XL. Kích thước: Min 240mm. (hoặc tương đương)	Đôi	120.030
132	Gel siêu âm (Đơn vị tính: lít)	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng - Không gây hại đầu dò - Không có muối và formaldehyde - Tổng số vi sinh vật hiếu khí sống lại được ≤ 500 khuẩn lạc. Mẫu không được có Staphylococcus aureus, Candida albicans, Pseudomonas aeruginosa. - Carbopol, nước tinh khiết, Nipagin, Nipasol - Không gây mẫn cảm và rát da (hoặc tương đương)	lít	360
133	Băng keo lụa 2,5x 5m	Vải lụa thông thoáng, định lượng 63-69g/m ² , mật độ sợi ngang 159-173 dtex, mật độ sợi dọc 80-88 dtex nhẹ nhàng và mềm mại, độ bền kéo 5.0kg/12mm ± 500g. Phủ keo đảm bảo độ dính, không chứa latex và không sót keo trên da khi tháo băng. Băng quấn vào lõi nhựa, bờ răng cưa dễ xé ngang dọc. (hoặc tương đương)	Cuộn	6.000
134	Băng cố gạc vô trùng, bán thấm(Size 100x90 mm)	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc Kích thước băng dính: 100 x 90 mm Băng dính làm từ vải không dệt (Polyester và rayon), màu trắng, co giãn tốt Gạc được làm từ bông y tế, kích thước gạc: 50 x 50 mm Keo dán Acrylic Lớp phủ Polyethylene chống dính vết thương khi thay băng Độ thoáng khí > 1000 mm/s Kích ứng da không đáng kể	Miếng	5.500

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn. Được tiệt trùng (hoặc tương đương)		
135	Băng có gạc vô trùng, bán thấm(Size 150x90 mm)	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc Kích thước băng dính: 150 x 90 mm Băng dính làm từ vải không dệt (Polyester và rayon), màu trắng, co giãn tốt Gạc được làm từ bông y tế (Polyester và rayon), kích thước gạc: 100 x 50 mm Keo dán Acrylic Lớp phủ Polyethylene chống dính vết thương khi thay băng Độ thoáng khí > 1000 mm/s Kích ứng da không đáng kể (hoặc tương đương)	Miếng	3.000
136	Băng có gạc vô trùng, bán thấm(Size 200x90 mm)	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc Kích thước băng dính: 200 x 90 mm Băng dính làm từ vải không dệt (Polyester và rayon), màu trắng, co giãn tốt Gạc được làm từ bông y tế (Polyester và rayon), kích thước gạc: 150 x 50 mm Keo dán Acrylic Lớp phủ Polyethylene chống dính vết thương khi thay băng Độ thoáng khí > 1000 mm/s Kích ứng da không đáng kể (hoặc tương đương)	Miếng	3.000
137	Băng có gạc vô trùng, bán thấm(Size 250x90 mm)	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc Kích thước băng dính: 250 x 90 mm Băng dính làm từ vải không dệt (Polyester và rayon), màu trắng, co giãn tốt Gạc được làm từ bông y tế (Polyester và rayon), kích thước gạc: 200 x 50 mm Keo dán Acrylic Lớp phủ Polyethylene chống dính vết thương khi thay băng Độ thoáng khí > 1000 mm/s Kích ứng da không đáng kể (hoặc tương đương)	Miếng	2.000
138	Băng thun (3 móc)	Làm từ sợi polyester và cao su thiên nhiên. Độ co giãn cao, từ 180% đến 200% so với kích thước ban đầu. Mềm mại, độ bền cao, thoáng mát, không gây kích ứng cho người sử dụng Kích thước: 10cm x 4.5m (hoặc tương đương)	Cuộn	150

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
139	Bao camera nội soi (Dùng trong nội soi dạ dày, đại tràng)	Nguyên liệu: nylon. Sản phẩm đóng gói riêng. Tiệt trùng. (hoặc tương đương)	Cái	200
140	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid (2/0, kim tròn)	"Chỉ khâu tự tiêu tổng hợp đa sợi tan trung bình Polyglactin 910 (90% glycolide và 10% L-lactide), màu D&C Violet No.2, áo bao Poly glycolide-co-Llactide (30:70) glacomer 370 và Calcium stearate, số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, duy trì sức căng 65% sau 14 ngày và tan hoàn toàn sau 60-80 ngày Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 2.73Kgf Tiệt trùng. (hoặc tương đương)	Tép	280
141	Chỉ tan tổng hợp đa sợi 4/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp, chỉ dài 90cm, 1 kim đầu tròn, 1/2C, dài 40 mm (hoặc tương đương)	Tép	280
142	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid (số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm)	Chỉ khâu tự tiêu tổng hợp đa sợi tan trung bình Polyglactin 910 (90% glycolide và 10% L-lactide), màu D&C Violet No.2, áo bao Poly glycolide-co-Llactide (30:70) glacomer 370 và Calcium stearate, số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm, duy trì sức căng 70 - 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày và tan hoàn toàn sau 56-70 ngày Kim bằng chất liệu AISI 300 series phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5.18Kgf Tiệt trùng. (hoặc tương đương)	Tép	280
143	Cloramin B (đơn vị tính: Kg)	Dạng bột. Sodiumbenzensulfocloramide, hàm lượng Chlor hoạt tính $\geq 25\%$. (hoặc tương đương)	Kg	500
144	Dung dịch Lugol (đơn vị tính: ml; thành phần của thuốc nhuộm gram)	Thành phần của thuốc nhuộm Gram. Đạt Iso 13485-2016 (hoặc tương đương)	ml	8.500
145	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế: - Dung tích: 1.5 lít - Độ dày: 1.5mm; chiều cao: 190mm	- Chất liệu nhựa nguyên chất. - Dung tích: 1.5 lít - Độ dày: 1.5mm; chiều cao: 190mm Hoặc tương đương	Cái	300

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
146	Aniosyme synergy 5: Dung dịch enzym đa chức năng chuyên dùng để làm sạch và tiền xử lý dụng cụ y tế (bao gồm cả thiết bị nội soi)	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ - Hỗn hợp 5 Enzyme: Protease 5%; Lipases 1%, Amylases 2%; Mannanase 1%; Cellulase 1%; Chất hoạt động bề mặt < 15%, Chất ức chế ăn mòn 0.2%, chất chống tạo biofilm 4% - Độ pH: 7,5 - 9,5 - Khả năng làm sạch cao loại bỏ máu, mô còn sót lại, protein, chất nhầy, phân và màng sinh học biofilm khỏi dụng cụ, thiết bị y tế. - Quy cách: Chai 1 Lít (hoặc tương đương)	Chai	200
147	Tiệt khuẩn và khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ, dụng cụ nội soi và các dụng cụ nhạy cảm với nhiệt khác.(Glutaraldehyde) _đơn vị tính: lít	Dung dịch tiệt khuẩn và khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ, dụng cụ nội soi và các dụng cụ nhạy cảm với nhiệt khác. - Thành phần chính: Glutaraldehyde (CAS 111-30-8) 2%. - Độ pH: 6,0 - 8,0 - Thời gian tái sử dụng từ 28 - 30 ngày, tặng kèm test thử để kiểm tra hiệu quả dung dịch. - Đơn vị tính: lít (hoặc tương đương)	Lít	390
148	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại. Thành phần: Chlorhexidine Gluconate (Chlorhexidine digluconate) 4% kl/kl.	Loại dung dịch dùng trong khám bệnh thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại. Chlorhexidine Gluconate (Chlorhexidine digluconate) 4% kl/kl. (hoặc tương đương)	Chai	100
149	Khí Oxy Y tế (Bình 6m3)	Theo Dược điển Việt Nam lần thứ 5 Hàm lượng oxy: $\geq 99.5\%$ (Oxygen) (hoặc tương đương)	Bình	1.200
150	Khí Oxy Y tế(Bình 1.5m3)	Theo Dược điển Việt Nam lần thứ 5 Hàm lượng oxy: $\geq 99.9\%$ (Oxygen) (hoặc tương đương)	Bình	100
151	Test nhanh định tính sự có mặt HBsAb trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương	Phát hiện định tính sự có mặt HBsAb trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9% (hoặc tương đương)	Test	3.000
152	Mask Oxy có túi (Các cỡ)	- Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, Mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, Dây chun,	Bộ	300

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối Dây dẫn. - Mặt nạ và Dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh màu trắng trong, không có chất tạo màu. Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.1 m, lồng Ống có khóa chống gập - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được Tiệt trùng. (hoặc tương đương)		
153	Bộ điều chỉnh karman 2 van	Bộ hút van đơn - 2 van Quy cách: Gồm 2 bơm hút; 03 ống hút (số 4,5,6); phụ kiện (01 hãm cổ bơm, gioăng cao su, 01 ống silicon 2 ml) Hoặc tương đương	Bộ	100
154	Nhiệt kế thủy ngân	Sản phẩm được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân • Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C. Sản phẩm đạt tiêu chí về hiệu chuẩn. (hoặc tương đương)	Cái	400
155	Kim cấy chỉ vô trùng dùng một lần (Kích cỡ: 0.30 x 33 mm (Dùng cho kim 23G))	Kích cỡ: 0.30 x 33 mm (Dùng cho kim 23G) - Cán kim: được cuốn bằng sợi thép không gỉ. - Thân kim: được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, - Kim cấy chỉ là sản phẩm vô trùng - Độ cứng thân kim đường kính 0.30 mm đốc kim đường kính 0.30 mm, vô trùng. Hoặc tương đương	Cây	5.000
156	Giấy điện tim (Kích thước: 152 x 25 x 16mm)	(Kích thước: 152 x 25 x 16mm) Phù hợp với máy điện tim Bionet Cardiocare 3000	Cuộn	100
157	Bộ nhuộm gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue. (hoặc tương đương)	Bộ	120
158	Kim bướm 23G;25G	Kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài 30cm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, có đầu kết nối Luer lock. (hoặc tương đương)	Cây	15.000
159	Bộ rửa dạ dày (các cỡ)	Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng một hệ thống khép kín Làm từ mù cao su tự nhiên	Bộ	30

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
		Size: 28mm (Lớn) & 22mm (Nhỏ) (hoặc tương đương)		
160	Hộp phân liều thuốc 3 ngăn	Dùng phân liều thuốc uống trong ngày , Chất liệu nhựa PPC nguyên chất. Kích thước 6.5cm x 23.5cm. Kích thước ngăn đựng thuốc: (43x48x12)mm, chia làm 3 ngăn (sáng, trưa, tối). Có nắp đậy kéo ra đẩy vào dễ dàng.- Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (hoặc tương đương)	Cái	10.000
161	Nút chặn đuôi kim luồn các loại, các cỡ (Kích thước: 51 x 50 x 32cm)	(Kích thước: 51 x 50 x 32cm) Hoặc tương đương	Cái	10.000
162	Test nhanh định tính sự có mặt HBeAg trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương	Phát hiện định tính sự có mặt HBeAg trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Độ nhạy: $\geq 99.8\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99.9\%$ (hoặc tương đương)	Test	10.000
163	Nước javel 10% (Sodium hypochloride 10%)	NaClO+NaCl+H ₂ O, có tính oxy hóa mạnh, dùng để tẩy rửa. (hoặc tương đương)	lít	1.200
164	Nước cất 1 lần	Nước được chưng cất 1 lần. Đạt tiêu chí kỹ thuật theo quy định Tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam hiện hành (hoặc tương đương)	Lít	2.700
165	Test chẩn đoán nhanh ung thư đại tràng (CEA)	Test xét nghiệm CEA trong mẫu máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương bằng phương pháp sắc ký miễn dịch. _ Độ nhạy: 100 %. Độ đặc hiệu: 99,96%. _ Thời gian ue 10-15 phút. _ Thành phần : sử dụng kháng thể đơn dòng có đánh dấu nhuộm; khay thử; dung dịch pha loãng; pipet dùng một lần. _ Các chất chống đông EDTA, heparin, citrate không ảnh hưởng đến xét nghiệm. _ Loại cassette kích thước 6mm. Đóng gói riêng từng test. Hoặc tương đương	Test	3.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
166	Bộ hoá chất thực hiện xét nghiệm Pap smear Thành Phần: -Papanicolaous 2a -Papanicolaous 3b -Hematoxyline Gill 2 -Hematoxyline 1a Harris	- Bộ nhuộm Papanicolaou (PAP) được thiết kế để phân biệt giữa nhiều loại tế bào trong phết tế bào âm đạo để phát hiện ung thư âm đạo, tử cung và cổ tử cung. Có giá trị để nhuộm nhiều loại dịch tiết cơ thể và phết tế bào khác. Nhuộm mẫu FFPE được cắt ở mức 5-10µm. - Kết quả nhuộm: Hạt nhân: Màu xanh, Tế bào Keratin cao: Màu cam, Tế bào bề mặt: Màu hồng, Hồng cầu: Hồng đậm, Tế bào cận đáy: Xanh lam/Xanh lục, Tế bào trung gian: Xanh lam/Xanh lục, Tế bào metaplastic: Có thể chứa cả Xanh lam/Xanh lục và Hồng. - Đóng gói: Hematoxylin Mayer's (500 ml), OG-6 Solution (500 ml), EA-50 Stain Solution (500 ml) - Hoặc tương đương	Bộ	5
167	Khẩu trang N95 (đảm bảo chất lượng khi tiếp xúc với hóa chất và bệnh lây truyền nhiễm qua đường không khí)	Chất liệu: Vải SMS kháng khuẩn, Vải không dệt, màng lọc kháng khuẩn. - Có các nếp gấp hình chữ V có tác dụng ôm kín khuôn mặt khi đeo - Màu sắc: Trắng. - Thanh nẹp mũi: Kẽm bọc nhựa có tác dụng kẹp kín khẩu trang lên sống mũi - Dây đeo: Dây đeo bằng sợi polyester và spandex, độ giãn thun thoải mái. Giúp cho việc đeo, tháo khẩu trang dễ dàng, đảm bảo vệ sinh an toàn khi sử dụng, không gây dị ứng (hoặc tương đương)	Cái	5.000
168	Test chẩn đoán nhanh ung thư gan (AFP)	Test xét nghiệm AFP bằng phương pháp sắc ký miễn dịch trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. - Độ nhạy: 99.98 %. Độ đặc hiệu: 99.95 %. Ngưỡng phát hiện 10ng/mL. Thời gian ủ 10-15 phút. - Thành phần : sử dụng kháng thể đơn dòng có đánh dấu nhuộm và kháng thể đa dòng trên pha rắn; khay thử; dụng dịch pha loãng ; pipet dùng một lần. - Loại cassette kích thước 6mm. Đóng gói riêng từng test. Hoặc tương đương	Test	1.200
169	Cloric 75% (Dạng bột Ca(ClO)2)	Công thức hóa học: Ca(OCl)2 Hàm lượng Clo hữu hiệu: ≥ 70% khối lượng. (hoặc tương đương)	kg	3.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
170	Test chỉ thị 3M (chỉ thị hóa học 3M 1243A)	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị đa thông số Type 5 cho hấp ướt, công nghệ vạch dịch chuyển liền. - Cấu tạo lớp màng phim nhựa chống thấm mực. Không chứa chì. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn FDA (USA) (hoặc tương đương) 	Test	25.000
171	Hematoxylin (Dùng trong xét nghiệm Pap smear)	<ul style="list-style-type: none"> - Hematoxylin (cải tiến Lillie's) dùng để nhuộm nhân tế bào trong các ứng dụng mô học như: nhuộm hóa mô miễn dịch (IHC), nhuộm HE, nhuộm PAP. - Vùng nhân tế bào được chắc, sạch, sắc nét, phân định rõ ràng. Thời gian nhuộm nhanh: 30-60 giây với IHC, 3-5 phút cho nhuộm HE. Kết quả nhuộm: nhân màu tím; hóa xanh nếu dùng bluing - Dung dịch màu tím, mùi giấm nhẹ, pH 2.4 ± 0.3. Glycerin, Aluminum Sulfate 5% (muối nhôm), Acetic Acid, Hematoxylin 1%. Hỗn hợp này không chứa bất kỳ chất độc nào được đánh giá là PBT hay vPvB. - Hoặc tương đương 	ml	10.000
172	Orgrange 6 (Dùng trong xét nghiệm Pap smear)	<ul style="list-style-type: none"> - OG-6 (dạng lỏng, màu cam) sử dụng trong tế bào học để hỗ trợ xác định và phân loại các tế bào vảy, là thành phần trong bộ nhuộm Papanicolaou (PAP) Stain Kit - Thuốc nhuộm được sử dụng để kiểm tra các tế bào bong tróc của âm đạo, cổ tử cung, đờm, cũng như các chất tiết khác của cơ thể. - Ethanol, Propylene Glycol 15% , Isopropyl Alcohol, Orange G 0.5%. - Hoặc tương đương 	ml	10.000
173	EA 50 (Dùng trong xét nghiệm Pap smear)	<ul style="list-style-type: none"> - EA-50 (dạng lỏng, màu xanh lá/ cam) sử dụng trong tế bào học để hỗ trợ xác định và phân loại các tế bào vảy, là thành phần trong bộ nhuộm Papanicolaou (PAP) Stain Kit - Thuốc nhuộm được sử dụng để kiểm tra các tế bào bong tróc của âm đạo, cổ tử cung, đờm, cũng như các chất tiết khác của cơ thể. - Thành phần Ethanol, Isopropyl Alcohol , Eosin Y 0.3%, Light Green SF 0.05%, Bizmark Brown, Phosphotungstic Acid Hydrate 0.2%. - Hoặc tương đương 	ml	10.000

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
174	Test chuẩn đoán nhanh nhồi máu cơ tim (Troponin)	<ul style="list-style-type: none"> - Test nhanh Troponin I được dùng để xác định định tính Troponin I tim trong mẫu bệnh phẩm: Huyết tương / Huyết thanh / Máu toàn phần. - Độ nhạy: ≥ 1 ng/ml - Độ chính xác: $> 99\%$ - Đóng gói: Hộp/25test (hoặc tương đương) 	Test	5.000
175	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 6.8 lít	<ul style="list-style-type: none"> - Làm từ nhựa PE chính phẩm. Màu vàng nắp đỏ. - Dung tích 6.8 lít. - Dùng để đựng các vật thải sắc nhọn trong y tế. Dùng 1 lần. Hoặc tương đương	Hộp	200
176	Que lấy bệnh phẩm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bằng nhựa PP, PE, cotton, gỗ. - Kích thước: 12mm x 175mm. - Tiệt trùng bằng EO Gas - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. (hoặc tương đương)	Chiếc	2.000
177	Lam kính đầu nhám - Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1"x3") - Độ dày: 1 - 1.2mm	<ul style="list-style-type: none"> - Độ dày: 1.0 – 1.2 mm. - Kích thước: 25.4 x 76.2 mm (1"x3"). - Vật liệu cấu thành : Kính. (Hoặc tương đương)	Miếng	8.000
178	Máy châm cứu (4 hoặc 5 jack)	Đáp ứng yêu cầu cấu hình: <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 chiếc - Dây châm cứu: 05 chiếc - Dây điện xung: 01 chiếc - Điện cực điện xung dán: 02 chiếc - Điện cực điện xung: 10 chiếc - Đai quấn điện cực: 1 chiếc - Bút dò huyết: 01 chiếc - Nguồn 9V: 1 chiếc - Hướng dẫn sử dụng: 1 bộ Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy cảm thăm dò huyết: Điện trở: 10kΩ~500kΩ: 500kΩ~1MΩ, Độ nhạy cảm: 10kΩ : 20kΩ - Cường độ từ trường hạt từ: 2000 - Công suất tiêu hao tối đa: $\leq 5W$. - Tiêu chuẩn an toàn: Type II-BF - Điện năng cung cấp cho Adapter: Đầu vào: 220V/50Hz - Đầu ra: DC9V/150mA. (hoặc tương đương)	Cái	20

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
179	Xe đẩy tiêm thuốc 3 ngăn, có hộp	Đáp ứng yêu cầu cấu hình- Thân tủ và 4 bánh xe: 01 bộ- Giá đựng đồ: 01 chiếc- Thùng đựng rác: 02 chiếc - Cọc truyền 4 móc: 01 chiếc- Ổ cắm điện dính trên thân xe: 01 Ổ- Chia khóa tổng các ngăn kéo: 01 Cái- Bình đựng bơm tiêm sau khi sử dụng: 01 cái- Móc để giữ bình oxy 01 cáiĐáp ứng yêu cầu kỹ thuật- Kích thước (Dài 840 x Rộng 495 x Cao 960 mm): ±5 mm- Khung xe được làm bằng thanh nhôm định hình đảm bảo độ bền chắc và thẩm mỹ, an toàn với người sử dụng.- Mặt xe được làm bằng nhựa nguyên khối, có lăn can bằng inox phi 12,7 cao 70mm.- Ngăn kéo được làm bằng thép sơn tĩnh điện, bên trong có gắn các thanh chia khay lớn thành nhiều khay nhỏ.- Xe gồm 5 ngăn kéo (02 ngăn nhỏ, 02 ngăn trung và 01 ngăn lớn).- Tấm cứng thực hiện CPRBảo hành 12 tháng (hoặc tương đương)	Cái	3
180	Tay khoan nhanh	Tay khoan nhanh dùng trong nha khoa, có độ bền cao, dễ sử dụng. Bảo hành theo quy định của nhà sản xuất (hoặc tương đương)	Cái	2
181	Dầu xịt tay khoan	Sản phẩm phù hợp với tất cả các loại tay khoan nha khoa và motor hơi Dung dịch bôi trơn tay khoan dạng xịt (hoặc tương đương)	Chai	5
182	Mũi cắt R8 (mũi tròn)	Mũi cắt răng 8 (mũi tròn) (hoặc tương đương)	Cái	5
183	Mũi cắt R8 (mũi dài)	Mũi cắt răng 8 (mũi dài) (hoặc tương đương)	Cái	5
184	Mũi khoan tay nhanh	Sử dụng kết hợp với tay khoan nhanh (hoặc tương đương)	Cái	200
185	Mặt gương nha khoa	Khung viền bằng thép inox không gỉ, mặt gương sáng bóng (hoặc tương đương)	Cái	5
186	Ống hút nước bọt (dùng trong nha khoa)	Chất liệu nhựa tốt, mềm mại, dễ uốn dẻo, sử dụng 1 lần (hoặc tương đương)	Túi 100 ống	10
187	Trâm gai đủ màu (dùng trong nha khoa)	Trâm gai dùng lấy sạch sợi tủy trong quá trình chữa tủy. Thiết kế với cán cầm chắc chắn, các gai đàn hồi, sắc bén đảm bảo an toàn trong quá trình thao tác. (hoặc tương đương)	Vĩ 10 mũi	20
188	Mũi khoan tròn tay chậm (dùng trong nha khoa)	Sử dụng kết hợp với tay khoan chậm (hoặc tương đương)	Mũi	5

Stt	Danh mục hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương/ Quy cách	ĐVT	Số lượng kế hoạch
189	Cán gương nha khoa	Được làm bằng thép không gỉ, độ bền cao (hoặc tương đương)	Cái	5

* Lưu ý: Đối với vật tư y tế, hóa chất và sinh phẩm xét nghiệm có ít nhất 03 hãng sản xuất cho 01 mặt hàng xuất xứ trong nước đáp ứng về kỹ thuật, chất lượng, giá thì ưu tiên chọn hàng hóa có xuất xứ trong nước.

1.3. Các yêu cầu khác

- Cam kết hàng mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi.
- Cam kết hàng hóa có nhãn với đầy đủ thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật về nhãn mác hàng hóa.

- Cam kết Đóng gói, vận chuyển: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Cam kết Bảo quản hàng hóa: Theo quy định của nhà sản xuất.

- Cam kết thu hồi và thay thế, đổi trả 1:1 khi với trường hợp sau:

- + Hàng hóa kiểm tra và thử nghiệm không phù hợp với đặc tính kỹ thuật đã chào thầu.

- + Trường hợp hàng hóa bị lỗi, bị hỏng hoặc có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa do lỗi của nhà thầu, hoặc khi có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền.

- Hàng hóa sẽ được cung cấp làm nhiều đợt theo nhu cầu của Bệnh viện và dự kiến hoàn thành trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Cam kết cung cấp tài liệu chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ và tài liệu chứng nhận chất lượng hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương khi giao hàng (nếu có).

- Có cam kết về hạn sử dụng của hàng hóa đáp ứng yêu cầu:

Tính từ thời điểm hàng hóa được giao tại Kho của Chủ đầu tư:

- + Nếu Hạn sử dụng ≥ 02 năm, khi cung cấp phải đảm bảo còn hạn dùng ≥ 06 tháng.

- + Nếu Hạn sử dụng từ ≥ 01 năm đến < 02 năm, khi cung cấp phải đảm bảo còn hạn dùng ≥ 03 tháng.

- + Nếu Hạn sử dụng từ > 01 tháng đến < 01 năm, khi cung cấp phải đảm bảo còn $\geq 1/4$ hạn dùng.

Trong vòng 72 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua (bằng email hoặc điện thoại); riêng đối với hàng hóa dùng đột xuất trong cấp cứu, chống dịch thì bắt buộc giao hàng cho bên mua trong vòng 24 giờ.

Mục 2. Bản vẽ “Không có bản vẽ”

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Tất cả hàng hóa phải được kiểm tra trước khi nghiệm thu.